

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 604/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 394/TTr-STTTT ngày 03 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông

a) Căn cứ danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Điều 1 Quyết định này, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực ngành.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng khung giá, giá dịch vụ sự nghiệp công tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo theo đúng quy định.

c) Căn cứ tình hình thực hiện từng giai đoạn, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục cho phù hợp.

2. Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khung giá và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Điều 1 đảm bảo theo đúng quy định; Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông của tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



DANH MỤC

Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 18 /02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên dịch vụ	Mức sử dụng ngân sách nhà nước	Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu
I	BÁO CHÍ, TRUYỀN THÔNG		
1	Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
2	Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
3	Thông tin tuyên truyền phục vụ tuyên truyền đối ngoại	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
4	Thông tin tuyên truyền phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng thời kỳ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
5	Đo lường mức độ tiếp cận, sử dụng thông tin của khán giả phục vụ đánh giá hiệu quả nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh - quốc phòng, đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội.	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
II	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		
1	Điều phối hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
1.1	Điều phối, ứng cứu an toàn thông tin mạng		
1.2	Khắc phục sự cố an toàn thông tin mạng		

STT	Tên dịch vụ	Mức sử dụng ngân sách nhà nước	Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu
2	Thu thập, phân tích và cảnh báo nguy cơ, sự cố tấn công mạng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
3	Diễn tập phòng chống tấn công mạng đảm bảo an toàn thông tin cho các lĩnh vực quan trọng của Đảng, Nhà nước	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
4	Giám sát phòng, chống, ngăn chặn thư rác, tin nhắn rác cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
5	Giám sát an toàn thông tin cho các lĩnh vực quan trọng và hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
6	Rà quét, xử lý mã độc cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
7	Kiểm tra, đánh giá, phát hiện lỗ hổng bảo mật, điểm yếu an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
8	Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng công nghệ thông tin	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
8.1	Vận hành hệ thống máy chủ		
8.2	Vận hành hệ thống tường lửa Firewall		
8.2.1	Thiết bị tường lửa Firewall		
8.2.2	Phần mềm tường lửa Firewall		
8.3	Vận hành thiết bị phòng chống tấn công DDOS		
8.4	Vận hành thiết bị cân bằng tải		
8.5	Vận hành hệ thống lưu trữ (NAS, DAS)		
8.6	Vận hành thiết bị lưu điện		
8.7	Vận hành hệ thống giám sát môi trường		
8.8	Vận hành các thiết bị mạng (Router, Switch)		

STT	Tên dịch vụ	Mức sử dụng ngân sách nhà nước	Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu
8.8.1	Router		
8.8.2	Switch		
8.8.3	Modem		
8.9	Vận hành hệ thống thiết bị viễn thông khác		
8.9.1	PatchPanel		
8.9.2	ODF		
8.10	Vận hành hệ thống camera giám sát		
8.11	Vận hành bảng led điện tử		
8.12	Vận hành hệ thống kiểm soát truy cập mạng - NAC		
8.13	Vận hành hệ thống phần mềm quản lý truy cập đặc quyền - PAM		
8.14	Vận hành phần mềm quản lý lỗ hổng liên tục		
8.15	Vận hành phần mềm quét lỗ hổng website		
8.16	Vận hành hệ thống trung tâm (SIEM, APT, IDS, BIGDATA, AI)		
8.17	Bảo trì hệ thống máy chủ		
8.18	Bảo trì hệ thống tường lửa Firewall		
8.18.1	Thiết bị tường lửa Firewall		
8.18.2	Phần mềm tường lửa Firewall		
8.19	Bảo trì thiết bị phòng chống tấn công DDOS		
8.20	Bảo trì thiết bị cân bằng tải		
8.21	Bảo trì hệ thống lưu trữ		
8.22	Bảo trì hệ thống lưu điện		
8.23	Bảo trì hệ thống giám sát môi trường		
8.24	Bảo trì các thiết bị mạng		
8.24.1	Switch		
8.24.2	Router		
8.24.3	Modem		

STT	Tên dịch vụ	Mức sử dụng ngân sách nhà nước	Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu
8.25	Bảo trì thiết bị viễn thông khác		
8.25.1	PatchPanel		
8.25.2	ODF		
8.25.3	Dây nhảy		
8.26	Bảo trì hệ thống camera giám sát		
8.27	Bảo trì bảng led điện tử		
8.28	Bảo trì hệ thống kiểm soát truy cập mạng - NAC		
8.29	Bảo trì, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý truy cập đặc quyền - PAM		
9	Xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp các phần mềm, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
9.1	Vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm công thông tin điện tử		
9.2	Vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm dịch vụ công trực tuyến		
9.3	Vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu		
9.4	Vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm ứng dụng chuyên ngành		
9.5	Vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm bảo mật, an toàn, an ninh mạng		
9.6	Vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm thư điện tử		
9.7	Vận hành, bảo trì, nâng cấp các phần mềm khác (điều hành tác nghiệp, văn bản...)		
10	Lưu trữ, số hóa, xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung	Ngân sách nhà nước đảm bảo 100%	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
10.1	Thu thập dữ liệu		
10.2	Đánh giá và phân loại dữ liệu		
10.3	Xây dựng dữ liệu đặc tả		

STT	Tên dịch vụ	Mức sử dụng ngân sách nhà nước	Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu
10.4	Nhập dữ liệu		
10.5	Số hóa và chuyển đổi dữ liệu		
10.6	Kiểm tra dữ liệu đã tạo lập		
10.7	Nghiệm thu và bàn giao sản phẩm		